

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. P
TỈNH N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Nc**

Bản án số: 61/2020/HS-ST

Ngày: 10/7/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P
TỈNH N**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ninh Thị Kiều Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Bình- Ông Trần Hoàng Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Minh Hằng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Ông Võ Nc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ Tr số: 63/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. LÊ N, sinh ngày 22 tháng 10 năm 1991 tại N. Nơi ĐKNKTT: thôn Ph, xã T, huyện L, tỉnh N; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ văn hoá: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê T và bà Nguyễn Th; Vợ: Lâm H và 01 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tạm giữ từ ngày 07 tháng 10 năm 2019 , hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. TRẦN M, sinh năm: 1990 tại N. Nơi ĐKNKTT: khu phố X, phường M, thành phố P, tỉnh N; Nghề nghiệp: thợ sơn; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần C và bà Nguyễn Thị T; Vợ: Trần C và 01 con; Tiền án:

- Ngày 01/7/2009, Tòa án nhân dân tỉnh N xét xử bị cáo 07 năm tù về tội “giết người” tại bản án số 16/2009/HSST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/02/2015.

- Ngày 17/11/2015, Tòa án nhân dân thành phố P xét xử bị cáo 30 tháng tù về tội “cố ý gây thương tích” tại bản án số 108/2015/HSST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/7/2017.

Tiền sự: không.

Bị cáo tạm giữ từ ngày 13 tháng 9 năm 2019, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. NGUYỄN NGỌC M1 , sinh ngày 14 tháng 4 năm 2000 tại N. Nơi ĐKNKTT: khu phố N, phường Đ, thành phố P, tỉnh N; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc Th và bà Nguyễn Thị P; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tạm giữ

từ ngày 13 tháng 9 năm 2019, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

+ Anh Châu Tr, sinh năm: 1987

+ Anh Kiều H, sinh năm: 1991.

+ Anh Kiều K, sinh năm: 2000.

Cùng trú: thôn T, xã A, huyện L, tỉnh N (*đều có mặt*).

- Người làm chứng:

+ Anh Phạm V, sinh năm: 1984, trú: khu phố H, phường Th, thành phố P (*vắng mặt*).

+ Anh Nguyễn D, sinh năm: 1997, trú: khu phố G, phường PH, thành phố P (*vắng mặt*).

+ Anh Nguyễn Nh. P., sinh năm: 1982, trú: khu phố B, phường PH, thành phố P (*vắng mặt*).

+ Anh Dương E, sinh năm: 1983, trú: thôn A, xã H, huyện L, tỉnh N (*vắng mặt*).

Và một số người khác

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 Nt, ngày 06/6/2019, Lê N đến quán Club HH, thuộc khu phố 5, Phường T chơi cùng Nguyễn D và một số người bạn, khi đến quán, N gọi điện thoại rủ TRẦN M đến chơi. Trong quá trình chơi tại quán, nhóm của N nảy sinh xích mích với bàn ngồi bên cạnh là nhóm Châu Tr, Kiều H, Kiều K và một số người bạn. Hai bên xảy ra xô xát, ném ly qua lại thì bị bảo vệ của quán can ngăn, đẩy nhóm của Lê N ra ngoài. Một lúc sau, nhóm của Tr tính tiền đi về, khi vừa ra trước quán, Lê N cầm 01 thanh kim loại (cây dùng để gấp nước đá, đã bị bẻ làm đôi) có đầu móc nhọn, dài khoảng 20cm, đuổi theo đâm Châu Tr 01 nhát, trúng vào khuỷu tay trái của Tr gây thương tích. Cùng lúc này, TRẦN M và NGUYỄN NGỌC M1 đi trên xe ô tô 7 chỗ vừa đến nơi (Khi N rủ M xuống Club chơi thì M có rủ M1 đi cùng). Nhìn Thấy một nhóm người cầm hung khí lao vào phía mình, M dùng súng màu đen, bắn đạn cao su, dài khoảng 20cm, bắn 04 phát súng, 03 phát trúng vào chân, đầu và tay của Kiều K gây thương tích. M1 cầm 01 con dao dài khoảng 30cm, lao vào chém trúng vùng lưng của Kiều H 03 nhát và 01 nhát trúng vào bắp vai trái gây thương tích. Lúc này, Phạm V cầm hung khí (dạng lưỡi lê) dài 30cm có mũi nhọn, lao vào đâm nhóm của Tr thì Dương E là quản lý của Club HH can ngăn nên V không đâm trúng nhóm của Tr. Sau đó N, M, M1 đi về, còn Tr, H, K được bạn bè chở đi cấp cứu. Sau khi gây án, N, M1 vứt bỏ hung khí trên đường về (không nhớ địa điểm), M mang súng ra thành phố Nh sau đó làm mất. Quá trình điều tra, N, M1, M, không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên quá trình truy tố, các bị can đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, nhằm được hưởng sự khoan hồng của Pháp Luật.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 71/TgT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Trung tâm Giám định y khoa – pháp y tỉnh N kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho Kiều K hiện tại là 03%.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 73/TgT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Trung tâm Giám định y khoa – pháp y tỉnh N kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho Kiều H hiện tại là 13%.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 115/TgT ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Trung tâm Giám định y khoa – pháp y tỉnh N kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho Châu Tr hiện tại là 53%.

* Đối với vết thương dọc khoang liên sườn của Châu Tr, có tỷ lệ thương tật 1%, quá trình điều tra chưa xác định được do ai gây ra, nên tỷ lệ thương tật của Tr do Lê N gây ra là 52%.

Cáo trạng số 38/QĐ-VKSPR ngày 03/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố Lê N về “Tội cố ý gây thương tích” theo điểm c, khoản 3 (điểm a, i khoản 1) điều 134 Bộ luật Hình sự; TRẦN M về “Tội cố ý gây thương tích” theo điểm d, khoản 2 (điểm a, i khoản 1) điều 134 Bộ luật Hình sự; NGUYỄN NGỌC M1 về “Tội cố ý gây thương tích” theo điểm đ, khoản 2 (điểm a, i khoản 1) điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố theo cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt Lê N 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích” theo điểm c, khoản 3 (điểm a, i khoản 1) điều 134, điểm b, s khoản 1 điều 51, điều 54 Bộ luật Hình sự và bồi thường cho Châu Tr theo quy định của pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt TRẦN M 12 tháng đến 15 tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích” theo điểm d, khoản 2 (điểm a, i khoản 1) điều 134, điểm b, s khoản 1 điều 51, điều 54 Bộ luật Hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt NGUYỄN NGỌC M1 12 tháng đến 15 tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích” theo điểm đ, khoản 2 (điểm a, i khoản 1) điều 134, điểm b, s khoản 1 điều 51, điều 54 Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị giao Cơ quan điều tra Công an thành phố P tiếp tục tạm giữ để làm rõ và xử Tr các vật chứng bao gồm: áo khoác Jean màu xanh, loại áo nữ dài tay, dính nhiều vết máu; 03 khâu trang y tế màu xanh, có dính máu; 01 khăn vải màu xanh, dính máu; 01 mũ bảo hiểm màu trắng, có sọc xanh, hai bên in chữ “V....bank”, có dính máu; 01 mũ bảo hiểm màu trắng, hai bên có in hình hoa lá, phía trước có kính chắn gió. Các bị cáo và các bị hại không tham gia tranh luận. Khi nói lời sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã

thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo và các chứng cứ thu thập được cho thấy, mặc dù không có mâu thuẫn gì với các bị hại Châu Tr, Kiều K và Kiều H:

- Lê N đã dùng 01 thanh kim loại (cây dùng để gấp nước đá, đã bị bẻ làm đôi) có đầu móc nhọn, dài khoảng 20cm, đuôi theo đâm Châu Tr 01 nhát, trúng vào khuỷu tay trái của Tr gây thương tích 52%;
- TRẦN M dùng súng bắn đạn cao su dài khoảng 20cm màu đen bắn 04 phát súng, 03 phát trúng vào chân, đầu và tay của Kiều K gây thương tích 3%.
- NGUYỄN NGỌC M1 cầm 01 con dao dài khoảng 30cm, lao vào chém trúng vùng lưng của Kiều H 03 nhát và 01 nhát trúng vào bắp vai trái gây thương tích 13%.

Như vậy các bị cáo đã “dùng hung khí nguy hiểm” và “có tính chất côn đồ” (điểm a và điểm i khoản 1 điều 134 Bộ luật Hình sự) khi gây thương tích cho các bị hại.

Do đó, cáo trạng số 38/QĐ-VKSPR ngày 03/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố Lê N, Trần Mạnh M, NGUYỄN NGỌC M1 về “Tội cố ý gây thương tích” là có căn cứ, đúng pháp luật, cụ thể:

- Truy tố Lê N về “Tội cố ý gây thương tích” theo điểm c, khoản 3 (điểm a, i, khoản 1) điều 134 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung tăng nặng “*Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này*”;
- Truy tố TRẦN M về “Tội cố ý gây thương tích” theo điểm d, khoản 2 (điểm a, i, khoản 1) điều 134 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung tăng nặng “*Tái phạm nguy hiểm*”; do vào ngày 24/7/2017, M chấp hành xong hình phạt 30 tháng tù theo bản án số 108/2015/HSST ngày 17/11/2015 của Tòa án nhân dân thành phố P về tội “cố ý gây thương tích” với tình tiết tăng nặng “tái phạm”; bị cáo chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý.
- Truy tố NGUYỄN NGỌC M1 về “Tội cố ý gây thương tích” theo điểm đ, khoản 2 (điểm a, i, khoản 1) điều 134 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung tăng nặng “*Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này*”.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức

khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, cần phải xử lý nghiêm khắc.

[3] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo, cụ thể: các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo M và Minh đã nhờ chị Trần Thị Th1 nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P mỗi người 5.000.000 đồng để bồi thường cho Kiều H và Kiều K dù các anh Kiều H và Kiều K không yêu cầu bồi thường. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Lê N đã bồi thường cho Châu Tr 10.000.000 đồng. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng điều 54 Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cho các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Châu Tr yêu cầu bị cáo Lê N bồi thường tổng số tiền 200.000.000 đồng bao gồm chi phí điều trị thương tích và các chi phí khác liên quan đến việc điều trị và bồi thường tổn thất tinh thần. Sau khi bị N gây thương tích, anh Châu Tr phải nhập viện tại Bệnh viện đa khoa tỉnh N từ ngày 06/6/2019 đến ngày 13/6/2019, sau đó chuyển viện đến Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình thành phố H điều trị 2 đợt, đợt 1 từ ngày 14/6/2019 đến ngày 05/7/2019, đợt 2 từ ngày 31/7/2019 đến ngày 03/9/2019. Trong đợt điều trị từ ngày 14/6/2019 đến ngày 05/7/2019 tại Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình thành phố H, Bác sỹ đã mổ 2 lần: lần 1: mổ cắt lọc, đánh dấu thần kinh giữa, giải áp cẳng tay (T) ngày 24/6/2019; và lần 2: mổ cắt lọc, khâu da thừa nẹp bột cũ cách bàn tay (T) ngày 04/7/2019. Trong đợt điều trị từ ngày 31/7/2019 đến ngày 03/9/2019 tại Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình thành phố H, Bệnh viện chẩn đoán vết thương nhiễm trùng mất da lộ xương cẳng tay, Bác sỹ đã mổ cắt lọc khâu da thừa vào ngày 13/8/2019 và cắt lọc, khâu da thứ cấp ngày 27/8/2019. Sau đó vết thương dò mủ cẳng tay (T) đứt thần kinh giữa, hoại tử cơ mặt trước cẳng tay (T) đã mổ 4 lần, anh Châu Tr tiếp tục tái khám trong 4 lần vào các ngày 11/9/2019, ngày 25/9/2019, ngày 17/10/2019 và ngày 01/11/2019 tại Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình thành phố H. Ngoài ra anh Tr đã khám tại Bệnh viện Ch R ngày 11/9/2019 để có kết quả phục vụ việc giám định vết thương. Bị cáo Lê N đã bồi thường 10.000.000 đồng và đồng ý tiếp tục bồi thường 190.000.000 đồng cho anh Châu Tr, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

- Bị hại Kiều H và Kiều K không yêu cầu TRẦN M và NGUYỄN NGỌC M1 bồi thường sau khi bị gây thương tích, nhưng do bị cáo TRẦN M và NGUYỄN NGỌC M1 mỗi người tự nguyện nhờ chị Trần Thị Th1 nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P bồi thường cho bị hại 5.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này. TRẦN M có nghĩa vụ bồi thường cho Kiều K 5.000.000 đồng, NGUYỄN NGỌC M1 có nghĩa vụ bồi thường cho Kiều H 5.000.000 đồng.

[5] Vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã tạm giữ: 01 áo khoác Jean màu xanh, loại áo nữ dài tay, dính nhiều vết máu; 03 khẩu trang y tế màu xanh, có dính máu; 01 khăn vải màu xanh, dính máu; 01 mũ bảo hiểm màu trắng, có sọc xanh, hai bên in chữ “V.....bank”, có dính máu; 01 mũ bảo hiểm màu trắng, hai bên có in hình hoa lá, phía trước có kính chắn gió. Hội đồng xét xử xét thấy giao Cơ quan điều tra Công an thành phố P tiếp tục tạm giữ để làm rõ và xử Tr sau.

[6] Đối với Nguyễn D và Phạm V, sau khi sự việc xảy ra, cả hai đã đi khỏi địa phương, Cơ quan điều tra chưa làm việc được, khi nào điều tra làm rõ sẽ xử Tr sau.

Về án phí: Mỗi Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Đối với án phí dân sự sơ thẩm, trong quá trình điều tra bị cáo Lê N đồng ý bồi thường cho anh Châu Tr chi phí hợp Tr cho việc điều trị thương tích, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường toàn bộ chi phí 200.000.000 đồng, do đó bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê N, TRẦN M, NGUYỄN NGỌC M1 phạm “Tội cố ý gây thương tích”.

Căn cứ vào: Điểm c khoản 3 (điểm a, i, khoản 1) Điều 134, điểm b, s khoản 1 điều 51, điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Lê N 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07 tháng 10 năm 2019.

Căn cứ vào: Điểm d khoản 2 (điểm a, i, khoản 1) Điều 134, điểm b, s khoản 1 điều 51, điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: TRẦN M 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13 tháng 9 năm 2019.

Căn cứ vào: Điểm đ khoản 2 (điểm a, i, khoản 1) Điều 134, điểm b, s khoản 1 điều 51, điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: NGUYỄN NGỌC M1 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13 tháng 9 năm 2019.

Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào: Điều 584, điều 590 Bộ luật Dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Lê N và người bị hại- anh Châu Tr. Bị cáo Lê N có nghĩa vụ bồi thường cho anh Châu Tr 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng bao gồm chi phí điều trị thương tích, tiền mất thu nhập trong thời gian điều trị, tiền công người chăm sóc trong thời gian điều trị tại Bệnh viện, chi phí cho việc đi lại, ăn uống trong thời gian điều trị tại Bệnh viện, tiền bồi thường tổn thất tinh thần cho người bị hại. Bị cáo đã bồi thường 10.000.000 (mười triệu) đồng. Bị cáo Lê N

có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường cho anh Châu Tr 190.000.000 (một trăm chín mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Bị cáo TRẦN M có nghĩa vụ bồi thường cho anh Kiều K 5.000.000 (năm triệu) đồng. Số tiền này hiện cơ quan Thi hành án Dân sự thành phố P đang quản lý theo Biên lai thu tiền số 0004224 ngày 06 tháng 4 năm 2020 (do chị Trần Thị Th1 nộp thay). Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.000.000 đồng để đảm bảo thi hành khoản tiền bồi thường cho anh Kiều K.

- Bị cáo NGUYỄN NGỌC M1 có nghĩa vụ bồi thường cho anh Kiều H 5.000.000 (năm triệu) đồng. Số tiền này hiện cơ quan Thi hành án Dân sự thành phố P đang quản lý theo biên lai thu tiền số 0004225 ngày 06 tháng 4 năm 2020 (do chị Trần Thị Th1 nộp thay). Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.000.000 đồng để đảm bảo thi hành khoản tiền bồi thường cho anh Kiều H.

Giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P tiếp tục tạm giữ: 01 áo khoác Jean màu xanh, loại áo nữ dài tay, dính nhiều vết máu; 03 khẩu trang y tế màu xanh, có dính máu; 01 khăn vải màu xanh, dính máu; 01 mũ bảo hiểm màu trắng, có sọc xanh, hai bên in chữ “V....bank”, có dính máu; 01 mũ bảo hiểm màu trắng, hai bên có in hình hoa lá, phía trước có kính chắn gió để điều tra làm rõ và xử lý sau.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, sơ thẩm, có mặt các bị cáo, những người bị hại. Quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Bình Trần Hoàng Liên

Ninh Thị Kiều Hạnh

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh NT;
- Chi cục THADS TP.PRTC;
- VKSND TP.PRTC;
- Công an tp. PR-TC;
- Sở Tư pháp tỉnh NT;
- VKSND tỉnh NT;
- Lưu HS+ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Ninh Thị Kiều Hạnh

Thành viên HĐXX

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Tuấn

Trần Hoàng Liên

Ninh Thị Kiều Hạnh

Nguyễn Lê Anh Thư Trần M Huy

Ninh Thị Kiều Hạng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử Tr đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử Tr hành chính hoặc bị xử Tr kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử Tr kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử Tr kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên,

địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

